

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ -ST

Ngày 12/8/2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Q T T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông T V P;

2/. Ông P V C.

- Thư ký phiên tòa: Ông D V A– Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh B L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà L T N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “yêu cầu xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa:

1./ Nguyên đơn: Chị T T P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Long Hòa, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh H C B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp Long Hòa, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh bạc Liêu.

(Chị P mặt tại phiên tòa, anhB vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai chi T T P trình bày: Về hôn nhân: chị với anh H C B làm đám cưới vào ngày tháng nào không nhớ nhưng vào năm 2006, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không có ai ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PL, huyện PL. Về con chung, chị và anhB có 01 người con chung tên H T B, sinh ngày 12/11/2007, hiện đang sống với anhB; Về tài sản chung và nợ chung không có. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh H C B, tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2020 chịB yêu cầu nuôi cháu B, không yêu cầu anhB cấp dưỡng tiền nuôi

con; nay chị P thay đổi yêu cầu, đồng ý để anh B tiếp tục nuôi con, xin không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H C B có lời khai trình bày: Về hôn nhân, anh với chị T T P làm đám cưới vào ngày tháng nào không nhớ nhưng vào năm 2006, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không có ai ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PL, huyện PL. Về con chung, anh với chị B có 01 người con chung tên H T B, sinh ngày 12/11/2007, hiện đang sống với anh; Về tài sản chung và nợ chung không có. Nay anh đồng ý ly hôn với chị B, đồng ý tiếp tục nuôi con tên H T B, không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện PL trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng chấp nhận cho chị T T P được ly hôn với anh H C B.

- + Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử, tiếp tục giao cháu H T B, sinh ngày 12/11/2007 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị P có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Về cấp dưỡng do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- + Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

- + Về án phí: Buộc chị P chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị T T P kiện yêu cầu ly hôn với anh H C B tại Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL và Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh B mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt chị P và anh B là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T T P và anh H C B đều xác định, chị và anh B làm đám cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn

PL, huyện PL. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh B, về phía anh B có ý kiến đồng ý ly hôn với chị P. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống chị P với anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị và anh không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Từ nhận định nêu trên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị T T P được ly hôn với anh H C B.

[3] Về con chung: Chị P và anh B đều xác định có 01 người con tên H T B, sinh ngày 12/11/2007, hiện đang sống với anh B; Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2019 chị P có yêu cầu nuôi cháu B, không yêu cầu anh B cấp dưỡng; nhưng nay chị B thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý để anh B tiếp tục nuôi cháu B; về phía anh B có yêu cầu nuôi con tên H T B, sinh ngày 12/11/2007, không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao cháu H T B, sinh ngày 12/11/2007 cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Chị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Chị P, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị T T P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T T P, cho chị T T P được ly hôn với anh H C B.

2/. Về con chung: Tiếp tục giao cháu H T B, sinh ngày 12/11/2007 cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Chị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị T T P phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị T T P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004558 ngày 24 tháng 12 năm 2019, được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL. Anh H C B không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện PL
- Đương sự
- Người tham gia tố tụng khác
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn